

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT.
Ngày 15/3/2019.
V/v : “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
Bà Trần Thị Hà.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 15/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLPT- HNGĐ ngày 03/01/2019 Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2018/HNGĐ - ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2019/QĐ-PT ngày 25/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1991(Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Đội 3, thôn N, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn :** Anh Nguyễn Văn L – Sinh năm 1986 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

***Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện , biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là Nguyễn Thị H trình bày :

- Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau tại xã B, huyện H từ tháng 02 năm 2007 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau một thời gian thì mâu thuẫn do không hợp nhau, cãi nhau, anh L hay uống rượu, đánh chửi chị H. Vợ chồng đã tự hòa giải và được gia

đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/ 2018 đến nay, không quan tâm, chăm sóc tới nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Vân A- Sinh ngày 02/3/2008, Nguyễn Thị Ngọc A- Sinh ngày 25/5/2010 và Nguyễn Văn H- Sinh ngày 17/9/2012. Ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Vân A và Nguyễn Văn H, giao anh L nuôi dưỡng Nguyễn Thị Ngọc A. Hiện nay chị H đang làm công nhân tại Công ty SamSung, lương tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu giải quyết .

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh L và chị H tự nguyện chung sống với nhau tại xã B, huyện H từ tháng 02 năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau một thời gian thì mâu thuẫn do chị H có quan hệ với người khác. Vợ chồng đã tự hòa giải và được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/ 2018 đến nay, không quan tâm, chăm sóc tới nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh L đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Vân A - Sinh ngày 02/3/2008, Nguyễn Thị Ngọc A - Sinh ngày 25/5/2010 và Nguyễn Văn H - Sinh ngày 17/9/2012. Anh L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Văn H, giao chị H nuôi dưỡng Nguyễn Thị Vân A. Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh L không đồng ý với biên bản ghi lời khai của cháu NA ngày 10/8/2018 tại Tòa án do chị H đưa cháu NA đi một mình không có anh L đi cùng nên cháu NA sợ chị H nên trình bày muốn ở với chị H. Hiện nay anh L đang làm thợ mộc, thu nhập khoảng 400.000 đồng đến 500.000 đồng/1ngày. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh L không yêu cầu giải quyết .

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện H ngày 18/ 9/ 2018 có văn bản xác nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã.

* Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2018/HNGĐ - ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Áp dụng khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 51; khoản 2, Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84- Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147; Điều 271 và Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

- Về quan hệ hôn nhân : Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng

- Về con chung : Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là Nguyễn Thị Vân A và Nguyễn Văn H; giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc A. Anh L và chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở .

Trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo điều 84- Luật hôn nhân và gia đình

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con : Chị H và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, riêng, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 23/10/2018 bị đơn là Nguyễn Văn L kháng cáo phần giải quyết nuôi con chung của bản án sơ thẩm số 49/2018/HNGĐ - ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Anh Nguyễn Văn L trình bày: Tôi giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A và cháu Nguyễn Văn H, lý do vì: Chị H không có nơi ở, phải ở nhờ nhà người thân; tính chất công việc của chị H phải đi làm xa nhà và thời gian không có nên không đảm bảo cho việc chăm nom chăm sóc giáo dục con. Tôi có nhà ở riêng, có xưởng mộc tại nhà, thu nhập ổn định. Chị H còn vay nợ Ngân hàng chưa thanh toán hết nên kinh tế khó khăn. Bố mẹ tôi cũng còn trẻ khỏe và ở gần nên có thời gian tham gia phụ giúp tôi trong việc chăm sóc con chung. Các cháu đang ở với tôi và đi học gần nhà khoảng 500 m. Việc chị H nói tôi lấy vợ mới và gia đình tôi cản trở không cho chị gặp gỡ thăm nom các con là không đúng.

- Chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi không chấp nhận kháng cáo của anh L vì cháu H còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc. Tôi đang ở nhờ nhà người thân, việc vay tiền Ngân hàng là vay qua lương và trả góp, tôi cũng đã thanh toán xong. Gia đình tôi cũng quan tâm, phụ giúp tôi việc nuôi con. Hiện anh L đã lấy vợ và gia đình anh cản trở không cho tôi thăm nom, chăm sóc con. Công việc của anh L không ổn định nên không có thu nhập đảm bảo nuôi con. Công việc của tôi làm theo giờ hành chính, sáng đi tối về bên Khu công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh. Nếu con ở với tôi thì cũng đi học cách nhà khoảng hơn 1 km, có ông bà ngoại hỗ trợ đưa đón. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tổ tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+Về nội dung: Cấp sơ thẩm đánh giá điều kiện nuôi con của các đương sự và quyết định giao cho chị H nuôi 2 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 25/5/2010 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 17/9/2012 là phù hợp, có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa anh L không có tình tiết nào khác chứng minh chị H không đảm bảo điều kiện nuôi con nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn L được nộp cho Tòa án nhân dân huyện H trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của anh L là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 49/2018/HNGĐ - ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về phần giải quyết con chung, cụ thể yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi hai con chung là Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Ngọc A, HĐXX thấy:

[2.1]. Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 02/3/2008, Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 25/5/2010 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 17/9/2012. Khi giải quyết ly hôn, Tòa án sơ thẩm đã giải quyết giao cho chị H nuôi con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 02/3/2008 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 17/9/2012, giao anh Nguyễn Văn L được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 25/5/2010.

Hội đồng xét xử thấy cháu Nguyễn Thị Ngọc A đã có nguyện vọng ở với bố và Tòa án đã giao cho anh L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc A. Hiện nay anh L, chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung là Nguyễn Văn H. Cả anh L và chị H đều có công việc làm, có thu nhập, hai bên gia đình đều có sự quan tâm hỗ trợ anh chị nuôi con. Tuy nhiên anh L có nhà riêng còn chị H thì không có nhà riêng phải đi ở nhờ. Về tính chất công việc thì anh L làm xưởng mộc tại nhà không phải đi xa như chị H nên việc chăm sóc con chung có phần thuận lợi hơn chị H. Mặc dù cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 17/9/2012 hiện nay vẫn còn nhỏ nhưng kể từ khi anh chị ly hôn đến

nay cả cháu H và cháu Ngọc A đều đang ở ổn định với anh L, được gia đình anh L quan tâm, chăm sóc đầy đủ. Chị H cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc anh L không đảm bảo điều kiện nuôi hai con chung cũng như việc gia đình anh L cản trở chị thăm nom con. Để đảm bảo đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, đảm bảo việc sinh sống ổn định, tránh xáo trộn về tâm lý, tinh thần của con chung cần giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay. Do vậy, HĐXX thấy giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Văn H là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 81- Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Từ những căn cứ trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Văn L, sửa bản án sơ thẩm số 49/2018/HNGĐ - ST ngày 15/10/2018 của TAND huyện H về phần giải quyết nuôi con chung.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh L được chấp nhận nên anh L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 51; khoản 2, Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84- Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 148; khoản 2, Điều 308; Điều 309- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 29-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

[1]. Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn L, sửa bản án sơ thẩm số 49/2018/HNGĐ - ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về phần giải quyết nuôi con chung.

[2]. Về con chung:

- Giao anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 25/ 5/2010 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 17/9/ 2012.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 02/3/2008.

- Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

- Trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

số AA/2017/0001141 ngày 23/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng